

VĨ MÔ VÀ CHIẾN LƯỢC

Chậm một bước để tiến thêm nhiều bước

Công ty cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Đồng Thanh Tuấn

tuán.dt@miraeasset.com.vn

[Tóm tắt]

Nhìn lại diễn biến tuần qua

- **Bối cảnh toàn cầu:**

- Khi tin tốt trở thành tin xấu và tin xấu trong ngày thường thì giờ đây lại trở thành tin tốt đối với nhà đầu tư. Trên thực tế, lạm phát dai dẳng, thị trường lao động hạ nhiệt kết hợp cùng tốc độ tăng trưởng GDP duy trì ở mức tốt vẫn khiến nhiều nhà đầu tư hoài nghi về lộ trình cắt lãi suất của Fed cũng như viễn cảnh “hạ cánh mềm” của nền kinh tế của Hoa Kỳ. Lợi suất trái phiếu chính phủ tiếp tục gia tăng báo hiệu môi trường lãi suất cao kéo dài tại Mỹ và thể tiến thoái lưỡng nan của Fed trong chu kỳ nới lỏng tiền tệ nhưng không đi kèm với nới lỏng định lượng và đồng thời kéo theo rủi ro lạm phát trở lại trong bối cảnh hoạt động tiêu dùng lặn tăng trưởng lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết vẫn đang tăng tốc.

- **Trong nước:**

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) tiếp tục phát hành tín phiếu với hai kỳ hạn 14 ngày và 28 ngày cùng với việc điều tiết thanh khoản thông qua phát hành hợp đồng mua lại đảo ngược (RRP) với kỳ hạn 7 ngày. Tỷ giá sau đó đã dần hạ nhiệt với mức mất giá kể từ đầu năm ghi nhận khoảng 4,23%.

- **Thị trường chứng khoán Việt Nam:**

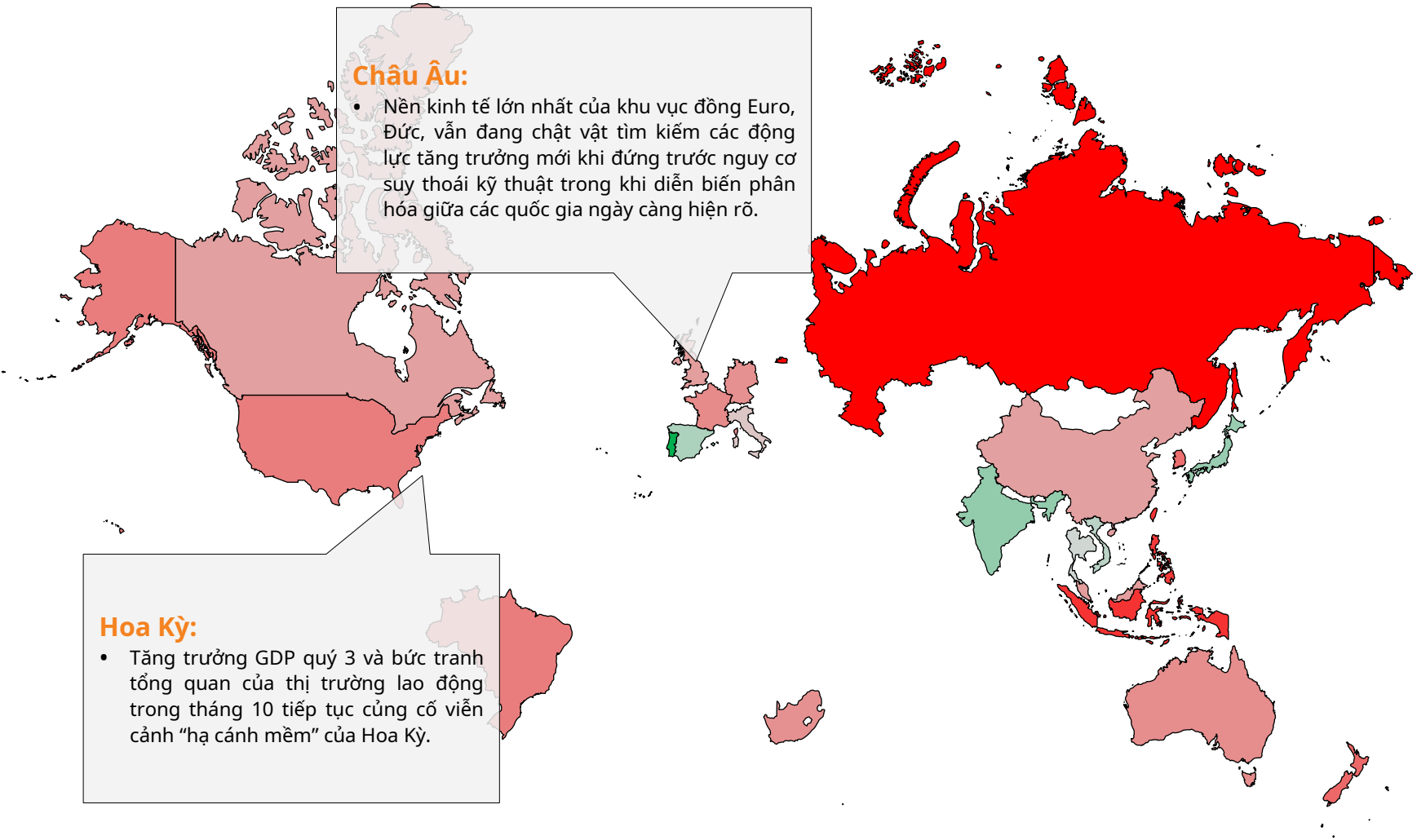
- Tâm lý giao dịch vẫn chưa được cải thiện đáng kể khi lực cầu vẫn còn thận trọng, khiến VN-Index dù ghi nhận tuần phục hồi sau nhịp điều chỉnh mạnh nhưng mức tăng có phần khiêm tốn chỉ hơn 2 điểm và đóng cửa tại 1.254,89 (+0,17% WoW).
- **Điểm nhấn của tuần là động thái bán thỏa thuận với trị giá 5,4 nghìn tỷ đồng của khối ngoại tại cổ phiếu VIB.** Trong đó, Tự doanh mua vào gần 650 tỷ đồng đối với VIB.
- **Triển vọng:** Trong ngắn hạn, áp lực bán trong phiên ngày thứ 6 rất có khả năng sẽ tiếp diễn và khiến VN-Index tiếp tục thoái lui về các mốc hỗ trợ thấp hơn tại 1.230 trong bối cảnh bức tranh lợi nhuận quý 3 dù cải thiện tỷ lệ ROE chung của cả thị trường song vẫn chưa tạo nên sự thuyết phục tuyệt đối với tâm lý chung vẫn còn đang thận trọng trong thời gian qua.

Thông tin cần theo dõi trong tuần tới

- Cuộc bầu cử Tổng thống Hoa Kỳ sẽ diễn ra chính thức vào ngày 05/11.
- Quyết định hạ lãi suất thêm 25 điểm cơ bản của Cục Dự trữ Liên Bang Hoa Kỳ (FED) vào ngày 07/11.
- Quyết định hạ lãi suất 20 điểm cơ bản đến từ Ngân hàng Trung ương Anh (BOE).
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV của Trung Quốc sẽ tổ chức phiên họp thứ 12 từ ngày 04/11 đến ngày 08/11.

① Bối cảnh toàn cầu

Quốc gia	Chỉ số	Giá đóng cửa	%WoW
Việt Nam	VNINDEX	1.254,89	0,17%
Mỹ	SPX	5.728,80	-1,37%
Canada	TSX	24.255,16	-0,85%
Nhật	NKY	38.053,67	0,37%
Trung Quốc	SHCOMP	3.272,01	-0,84%
Hồng Kông	Hang Seng	20.506,43	-0,41%
Đài Loan	TWSE	22.780,08	-2,43%
Hàn Quốc	KOSPI	2.542,36	-1,58%
Ấn Độ	SENSEX	79.724,12	0,41%
Indonesia	JCI	7.505,26	-2,46%
Thái Lan	SET	1.464,17	0,05%
Singapore	STI	3.555,43	-1,06%
Malaysia	FBMKLCI	1.603,98	-0,88%
Philippines	PSEi	7.142,96	-2,34%
UK	FTSE 100	8.177,15	-0,87%
Pháp	CAC 40	7.409,11	-1,18%
Đức	DAX	19.254,97	-1,07%
Ý	IT 40	34.676,17	-0,29%
Tây Ban Nha	ES35	11.843,00	0,26%
Bồ Đào Nha	PSI 20	6.594,91	1,25%
Nga	MOEX	2.574,71	-3,22%
Úc	ASX 200	8.118,83	-1,13%
New Zealand	NZX 50	12.559,28	-1,66%
Brazil	BOVESPA	128.120,75	-1,36%
CH Nam Phi	SA40	78.091,69	-1,06%
Pakistan	KSE 100	91.126,48	1,11%
Sri Lanka	Colombo	12.863,65	2,76%



Powered by Bing
© Australian Bureau of Statistics, GeoNames, Microsoft, Navinfo, Open Places, OpenStreetMap, TomTom, Zenrin

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Thị trường hàng hóa

Loại hàng hóa	Tên	Đơn vị	Giá (USD)	% DoD	% WoW	% MoM	YTD	% YoY	% 3Y
Kim loại	Vàng	USD/ozt	2.749,20	0,0%	0,3%	3,1%	32,1%	36,8%	53,2%
	Bạc	USD/ozt	32,68	-0,4%	-2,8%	0,9%	35,7%	39,6%	36,6%
	Thép cuộn Mỹ (HRCc3)	USD/st	778,00	1,6%	8,8%	1,8%	-21,8%	-21,4%	-49,5%
	Quặng sắt 62%	USD/mt	102,49	-1,24%	-1,7%	-5,8%	-24,8%	-18,8%	5,5%
	Đồng	USD/Lbs	4,37	0,7%	0,6%	-4,4%	12,4%	18,2%	1,5%
	Platin (bạch kim)	USD/ozt	1.002,90	0,3%	-3,0%	0,1%	-0,6%	5,5%	-2,7%
	Paladi	USD/ozt	1.108,80	-0,3%	-7,4%	11,1%	-0,1%	-1,2%	-44,6%
	Nhôm	USD/tấn	2.605,00	-0,8%	-2,6%	-2,4%	9,3%	15,6%	2,0%
	Kẽm	USD/tấn	3.070,00	1,0%	-1,2%	-3,3%	15,5%	21,6%	-5,3%
	Ni-ken	USD/tấn	15.984,00	1,6%	-1,0%	-10,7%	-3,7%	-12,3%	-16,5%
Năng lượng	Dầu Thô WTI	USD/thùng	69,49	0,3%	-3,2%	-5,7%	-3,3%	-13,4%	-10,6%
	Dầu Brent	USD/thùng	73,10	0,4%	-3,9%	-5,6%	-5,0%	-13,4%	-8,1%
	Khí Tự nhiên	USD/MMBtu	2,66	-1,5%	4,0%	-19,4%	14,4%	-29,8%	-54,3%
	Dầu Nhiên liệu	USD/gallon	2,23	0,0%	-0,7%	-3,9%	-11,7%	-21,9%	-6,6%
Thực phẩm	Lúa mì Hoa Kỳ	USD/100 gia	568,00	-0,4%	-0,2%	-3,7%	-9,6%	-0,8%	-26,6%
	Thóc	USD/CWT	14,83	0,9%	-1,7%	-2,8%	-15,4%	-6,5%	10,3%
	Yến mạch	USD/100 gia	399,25	1,2%	5,0%	2,8%	3,5%	7,3%	-46,1%
	Bắp Hoa Kỳ	USD/100 gia	414,60	0,9%	-0,2%	-2,4%	-12,0%	-13,1%	-25,9%
	Đậu nành Hoa Kỳ	USD/100 gia	993,75	-0,1%	-0,4%	-4,2%	-23,2%	-25,1%	-17,8%
	Dầu Đậu nành Hoa Kỳ	USD/100 Lbs	46,30	2,6%	4,9%	5,3%	-3,9%	-5,9%	-22,2%
	Khô Đậu nành Hoa Kỳ	USD/100 tấn	295,30	-1,4%	-3,4%	-10,7%	-23,5%	-31,7%	-11,2%
	Ca Cao Hoa Kỳ	USD/tấn	7.297,00	-0,5%	7,5%	3,4%	73,9%	87,2%	199,1%
	Cà phê Hoa Kỳ loại C	USD/100 Lbs	242,95	-1,2%	-2,2%	-4,7%	29,0%	42,2%	14,9%
	Cà phê London	USD/tấn	4.274,00	-2,4%	-3,1%	-15,3%	40,3%	67,9%	93,9%
	Đường Hoa Kỳ loại 11	USD/100 Lbs	22,07	-3,0%	-0,3%	-4,1%	7,2%	-20,5%	12,4%
	Nước Cam	USD/100 Lbs	543,80	11,6%	3,4%	18,4%	74,0%	55,7%	367,2%
	Bê	USD/100 Lbs	185,93	-0,2%	-2,0%	-0,6%	7,1%	1,1%	42,3%
	Heo nạc	USD/100 Lbs	84,08	0,3%	5,5%	0,1%	23,7%	17,2%	8,0%
	Bê đực non	USD/100 Lbs	246,88	2,3%	0,5%	-1,0%	10,7%	3,0%	56,2%
Khác	Gỗ	USD/MBF	558,00	1,6%	5,0%	6,4%	2,6%	9,8%	-7,9%
	Cao su (TSR20)	USD/kg	194,50	-1,4%	0,1%	6,9%	24,7%	34,9%	12,4%
	Cotton Hoa Kỳ loại 2	USD/100 Lbs	70,17	0,9%	-0,7%	-3,9%	-13,4%	-11,9%	-39,8%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 01/11/2024

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Bảng tin về bối cảnh vĩ mô toàn cầu	
	<div>TÍCH CỰC</div> <div>TIÊU CỰC</div>
Mỹ	<div><ul style="list-style-type: none">GDP quý 3 tại Mỹ tiếp tục tăng trưởng ấn tượng 2,8% QoQ dù có phần hạ nhiệt so với mức tăng 3% trong quý 2; dù vậy tiếp tục củng cố niềm tin về viễn cảnh “hạ cánh mềm” tại Mỹ.Chỉ số giá tiêu dùng cá nhân PCE tiếp tục hạ nhiệt từ 2,3% về 2,1% YoY trong tháng 9. Dù vậy, PCE cơ bản tiếp tục giữ nguyên tại 2,7% YoY.Tỷ lệ thất nghiệp giữ nguyên tại 4,1% trong tháng 10.</div> <div><ul style="list-style-type: none">Số lượng vị trí tuyển dụng (JOLTS) đã giảm 418K xuống còn 7,443 triệu trong tháng 9/2024, từ mức 7,861 triệu được điều chỉnh giảm của tháng 8; đây cũng là mức thấp nhất kể từ tháng 1/2021. Số lượng vị trí tuyển dụng sụt giảm trong lĩnh vực y tế và trợ giúp xã hội (-178K); chính quyền tiểu bang và địa phương, không bao gồm giáo dục (-79K); và chính phủ liên bang (-28K), nhưng tăng trong lĩnh vực tài chính và bảo hiểm (+85K).Báo cáo bảng lương phi nông nghiệp ghi nhận tạo thêm 12 nghìn việc làm trong tháng 10/2024, thấp hơn đáng kể so với con số 223 nghìn việc làm đã được điều chỉnh giảm của tháng 9 và dự báo 113 nghìn việc làm. Đây là mức tăng trưởng việc làm thấp nhất kể từ tháng 12/2020, chủ yếu do tác động từ các cuộc đình công tại Boeing cũng như nhiều khả năng việc làm ở một số ngành cũng bị ảnh hưởng bởi các cơn bão. Tuy nhiên Cục Thống kê Lao động không thể lượng hóa chính xác mức độ tác động của các sự kiện này.</div> <div>Đánh giá: Tăng trưởng GDP quý 3 và bức tranh tổng quan của thị trường lao động trong tháng 10 tiếp tục củng cố viễn cảnh “hạ cánh mềm” của Hoa Kỳ.</div>
Châu Âu	<div><ul style="list-style-type: none">GDP quý 3 của khu vực đồng Euro (EA) tăng trưởng 0,4% QoQ (Quý 2: +0,2%) và 0,9% YoY (Quý 2: +0,6%). Điều này cho thấy sự phân hóa giữa các quốc gia trong khu vực EU cũng như bức tranh kinh tế ảm đạm tại Đức vẫn chưa tìm được tín hiệu khởi sắc.GDP quý 3 tại Đức tăng trưởng 0,2% QoQ so với mức tăng trưởng âm bị điều chỉnh giảm -0,3% trước đó vào quý 2. Trên cơ sở so sánh với cùng kỳ năm trước, GDP quý 3 của Đức tăng trưởng âm -0,2% YoY; báo hiệu rủi ro suy thoái kỹ thuật (GDP quý 2/2024 -0,3% YoY).Tỷ lệ thất nghiệp tại EA ổn định tại 6,3% trong tháng 10.</div> <div><ul style="list-style-type: none">Tỷ lệ thất nghiệp tại Đức tăng nhẹ từ 6% lên 6,1% trong tháng 10, mức cao nhất kể từ tháng 2/2021.CPI tại Đức tăng tốc trong tháng 10 với mức tăng từ 1,6% lên 2% YoY.CPI tại EA tăng tốc trong tháng 10 khi tăng từ 1,7% lên 2% YoY trong khi CPI cơ bản giữ nguyên tại 2,7%; trong đó, đà tăng tốc của lạm phát ở các tháng cuối năm này phần lớn đã được dự đoán từ trước do các hiệu ứng so sánh mức nền thấp, khi mà đà giảm mạnh của giá năng lượng năm ngoái không còn được tính vào tỷ lệ lạm phát hàng năm.</div> <div>Đánh giá: Nền kinh tế lớn nhất của EA vẫn đang chật vật tìm kiếm các động lực tăng trưởng mới khi đứng trước nguy cơ suy thoái kỹ thuật trong khi diễn biến phân hóa giữa các quốc gia ngày càng hiện rõ.</div>

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Các sự kiện quốc tế cần theo dõi trong tuần tới				
Ngày	Quốc gia	Sự kiện	Kỳ trước	Kỳ vọng
4/11/2024				
3:55 PM	DE	PMI Sản xuất - HCOB (T10)	40,6	42,6
4:00 PM	EA	PMI Sản xuất - HCOB (T10)	45,0	45,9
10:00 PM	US	Đơn hàng tại nhà máy MoM (T9)	-0,20%	-0,40%
5/11/2024				
5:00 AM	AU	PMI Dịch vụ - Judo Bank (T10)	50,5	50,6
7:01 AM	GB	Báo cáo doanh số bán lẻ - BRC YoY (T10)	1,7%	1,4%
8:45 AM	CN	PMI Dịch vụ - Caixin (T10)	50,3	50,5
10:30 AM	AU	Quyết định lãi suất của RBA	4,35%	4,35%
4:30 PM	GB	PMI Dịch vụ - S&P Global (T10)	52,4	51,8
9:30 PM	EA	Bài phát biểu của Chủ tịch ECB Christine Lagarde		
9:45 PM	US	PMI tổng hợp - S&P Global (T10)	54,0	54,3
	US	PMI Dịch vụ - S&P Global (T10)	55,2	55,3
10:00 PM	US	PMI Dịch vụ - ISM (T10)	54,9	53,3
	US	Ngày bầu cử Tổng thống		
6/11/2024				
6:50 AM	JP	Biên bản họp chính sách tiền tệ của BOJ		
7:30 AM	JP	PMI Dịch vụ - Jibun Bank (T10)	53,1	49,3
2:00 PM	DE	Đơn hàng tại nhà máy MoM (T9)	-5,8%	1,8%
3:55 PM	DE	PMI Dịch vụ - HCOB (T10)	50,6	51,4
4:00 PM	EA	PMI Dịch vụ - HCOB (T10)	51,4	51,2
9:00 PM	EA	Bài phát biểu của Chủ tịch ECB Christine Lagarde		
7/11/2024				
10:00 AM	CN	Xuất khẩu YoY (T10)	2,4%	5,5%
10:00 AM	CN	Nhập khẩu YoY (T10)	0,3%	-0,3%
2:00 PM	DE	Sản lượng công nghiệp MoM (T9)	2,9%	-1,0%
5:00 PM	EA	Doanh số bán lẻ MoM (T9)	0,2%	0,3%
7:00 PM	GB	Quyết định lãi suất của BOE	5,0%	4,8%
8:30 PM	US	Đơn xin trợ cấp thất nghiệp	216K	222K
8/11/2024				
2:00 AM	US	Quyết định lãi suất của FED	5,00%	4,75%
2:30 AM	US	Họp báo của FED		
10:00 PM	US	Niềm tin tiêu dùng theo Đại học Michigan (T11)	70,5	70,0
9/11/2024				
8:30 AM	CN	CPI YoY (T10)	0,4%	0,3%
8:30 AM	CN	PPI YoY (T10)	-2,8%	-2,5%
10:35 PM	EA	Bài phát biểu của Chủ tịch ECB Christine Lagarde		

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ Trading Economics, Forex Factory và Bloomberg. Tất cả thời gian đều là giờ địa phương của Việt Nam.

Vĩ mô toàn cầu – Các thông tin cần theo dõi

- Cuộc bầu cử Tổng thống Hoa Kỳ sẽ diễn ra chính thức vào ngày 05/11.
- Quyết định hạ lãi suất thêm 25 điểm cơ bản của Cục Dự trữ Liên Bang Hoa Kỳ (FED) vào ngày 07/11.
- Quyết định hạ lãi suất 20 điểm cơ bản đến từ Ngân hàng Trung ương Anh (BOE).
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV của Trung Quốc sẽ tổ chức phiên họp thứ 12 từ ngày 04/11 đến ngày 08/11.

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam

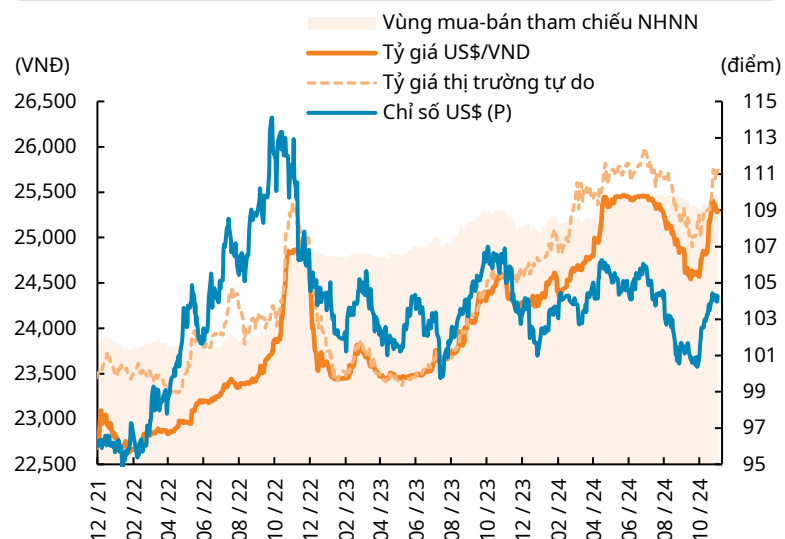
Bảng tin về bối cảnh vĩ mô Việt Nam trong tuần qua	
BẢNG TIN	
Tin tức vĩ mô	<ul style="list-style-type: none">Chỉ số PMI ngành sản xuất của Việt Nam đã có sự phục hồi đáng kể trong tháng 10, đạt 51,2 điểm - nhảy vọt từ mức 47,3 điểm của tháng trước và vượt ngưỡng tham chiếu 50 điểm sau những gián đoạn do cơn bão Yagi gây ra. Các chỉ số hoạt động then chốt như sản lượng và đơn hàng mới đều cho thấy xu hướng tăng trưởng tích cực, báo hiệu sự phục hồi của lĩnh vực sản xuất.Bộ Tài chính đưa ra dự thảo về dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cũng như giai đoạn 2025 - 2027 trước khi trình Quốc hội phê duyệt trong kỳ họp sắp tới. Nhìn chung, mức thâm hụt ước tính dự kiến khoảng 3,8% GDP (so với 4,3% năm 2024) cho năm 2025 và lần lượt 3,4% và 3,2% GDP cho các năm 2026 và 2027. Quy mô thu ngân sách tăng 5,0% so với cùng kỳ trong năm 2025, nhưng được dự báo sẽ giảm 1,3% trong năm 2026 do sự sụt giảm trong thu từ phí sử dụng đất (-27%), trong khi các khoản thu chủ chốt khác (như thuế doanh nghiệp và thuế thu nhập) cho thấy mức tăng ổn định trung bình từ 6,0% đến 8,0% trong giai đoạn 2025-2027. Thêm vào đó, chính phủ đã đặt ra kế hoạch đầy tham vọng cho chi tiêu liên quan đến phát triển (790,7 nghìn tỷ đồng, tương đương 31,4 tỷ USD, tăng 15,5% so với cùng kỳ) trong năm 2025, nhưng dự kiến sẽ giảm 14,8% trong năm 2026, giảm bớt áp lực lên ngân sách nhà nước.Trong kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XV, văn bản cuối cùng trình Quốc hội về Luật Chứng khoán không có sự thay đổi đáng kể so với nội dung đã thảo luận trước đây và bao gồm việc nới lỏng các yêu cầu liên quan đến việc tham gia thị trường trái phiếu doanh nghiệp thông qua phát hành riêng lẻ. Cụ thể, nhà đầu tư chuyên nghiệp là cá nhân có thể được phép mua/bán hoặc chuyển nhượng trái phiếu phát hành riêng lẻ nếu (1) tổ chức phát hành có xếp hạng tín nhiệm, và (2) trái phiếu có tài sản đảm bảo hoặc bảo lãnh thanh toán của ngân hàng. Trong khi đó, các cá nhân (không cần đáp ứng điều kiện nhà đầu tư chuyên nghiệp) có thể mua trái phiếu phát hành đại chúng không hạn chế. Tuy nhiên, dự thảo văn bản cuối cùng vẫn giữ nguyên quy định hạn chế về thời gian phong tỏa đối với cả nhà đầu tư chuyên nghiệp và chiến lược là 3 năm cho cả cổ phiếu và trái phiếu.
Tin tức chính sách	<ul style="list-style-type: none">Novaland gửi kiến nghị đến Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng về việc cho phép ngân hàng thương mại thực hiện hỗ trợ kéo dài kỳ hạn trái phiếu lên đến 4 năm (so với quy định dời hạn thanh toán nợ trái phiếu tối đa 2 năm theo Nghị định 08/2023), nợ vay do ngân hàng đầu tư mà không bị trích lập dự phòng và chuyển nhóm nợ; và cho phép các ngân hàng thương mại hỗ trợ Novaland vay tái cấu trúc các khoản nợ trái phiếu và hỗ trợ linh hoạt các phương án. Theo đó, Bộ Tài chính đã có phản hồi và cho rằng kiến nghị của Novaland phải được xem xét, đánh giá tổng thể, hài hòa quyền lợi giữa doanh nghiệp phát hành và nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu theo nguyên tắc lợi ích hài hòa, rủi ro chia sẻ.<ul style="list-style-type: none">Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng quyết định tiếp tục mở rộng phạm vi chính sách nhằm hỗ trợ cho các doanh nghiệp bất động sản gặp khó khăn trong việc hoàn thành nghĩa vụ nợ trái phiếu thông qua Nghị định 08, tiêu biểu như trường hợp của Novaland tuy giải quyết được khó khăn trong ngắn hạn đối với các doanh nghiệp tương tự bằng cách cho phép ngân hàng thương mại tham gia tái cơ cấu nợ; nhưng điều này đồng thời mang đến rủi ro dài hạn trong việc tạo ra một tiền lệ xấu đối với các tổ chức phát hành khi hình thành bài toán “too big to fail” và gây ảnh hưởng đến mức độ tín nhiệm và niềm tin của các pháp nhân tham gia thị trường trái phiếu doanh nghiệp khi xét riêng về phạm vi linh hoạt của chính sách.
Tin tức khác	<ul style="list-style-type: none">N/A

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam (Tiếp theo)

Tỷ giá dần hạ nhiệt nhưng rủi ro vẫn hiện hữu

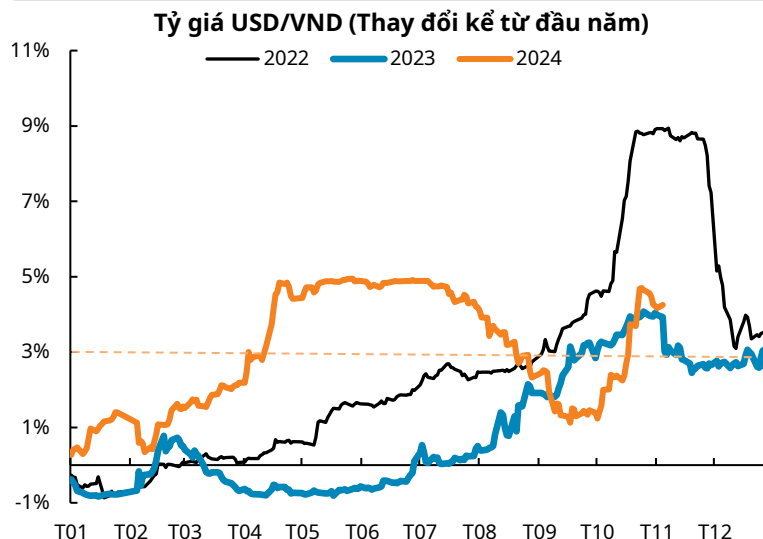
- Trong tuần qua, **Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN)** tiếp tục phát hành tín phiếu thông qua hoạt động thị trường mở (OMO) với tổng lượng tín phiếu phát hành đạt **23.550 tỷ đồng** trên hai kỳ hạn 14 ngày (lãi suất dao động từ 3,7% đến 3,75%) và 28 ngày (lãi suất 3,99%). Bên cạnh đó, NHNN đồng thời điều tiết thanh khoản cho hệ thống thông qua hợp đồng mua lại đảo ngược (RRP) với lượng RRP được phát hành đạt 34 nghìn tỷ đồng với kỳ hạn 7 ngày và lãi suất 4%.
- Tính đến ngày 01/11, tỷ giá bán tại Vietcombank ghi nhận 25.454, tương ứng với mất giá tính từ đầu năm hạ nhiệt về 4,23%; tuy vậy, mức tỷ giá hiện tại vẫn đang nằm trong phạm vi giá bán can thiệp của NHNN tại 25.450.
 - Lạm phát dai dẳng tại Mỹ thể hiện qua việc CPI và PCE cơ bản gần như không có sự thay đổi đáng kể ở 3 tháng gần nhất sẽ là một bài toán khó đối với Fed khi đang bước vào giai đoạn nới lỏng tiền tệ nhưng lại không đi kèm với chính sách nới lỏng định lượng (QE). Nhà đầu tư trên toàn cầu vẫn đang bán tháo trái phiếu chính phủ ở những tuần gần nhất và chưa có dấu hiệu dừng lại khi lộ trình hạ lãi suất của Fed dần trở nên bị thu hẹp bởi lạm phát dai dẳng nhưng đồng thời rủi ro lạm phát sẽ quay trở lại nếu đồng thời kết hợp với việc bơm thanh khoản ra lại thị trường trong bối cảnh các hoạt động tiêu dùng và tăng trưởng lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết vẫn đang tăng tốc trong Q3/2024.
 - Do đó, áp lực tỷ giá ở những tháng cuối năm sẽ là rủi ro cần phải theo dõi trong bối cảnh lượng dự trữ ngoại hối của Việt Nam đã mỏng đi rất nhiều và hiện chỉ duy trì vào khoảng 2,5 tháng nhập khẩu (dưới chuẩn khuyến nghị 3 tháng của IMF) sau đợt bán USD thông qua hợp đồng giao ngay để can thiệp tỷ giá trong giai đoạn tháng 4 – tháng 8 vừa qua.

Tương quan giữa tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY



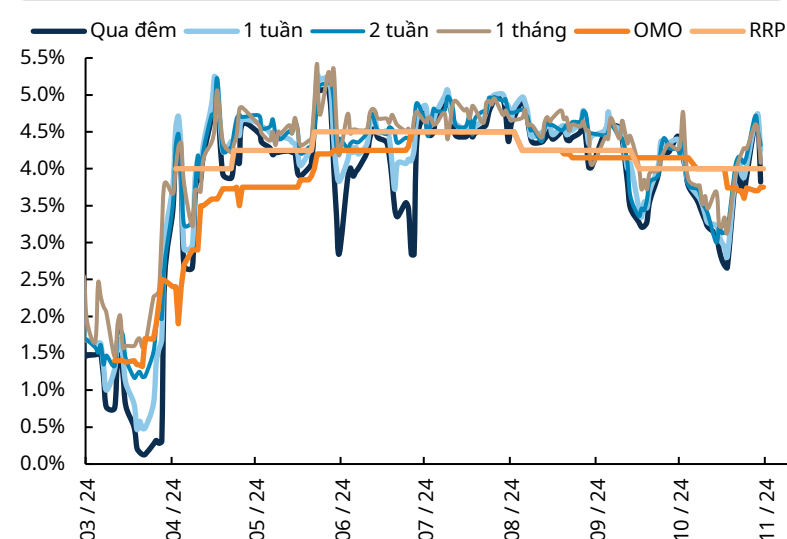
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, FiinPro, NHNN, cập nhật tới 01/11/2024

Tỷ giá bắt đầu hạ nhiệt sau nhiều nỗ lực của NHNN



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 01/11/2024

Lãi suất LNH duy trì ổn định tại vùng 4%



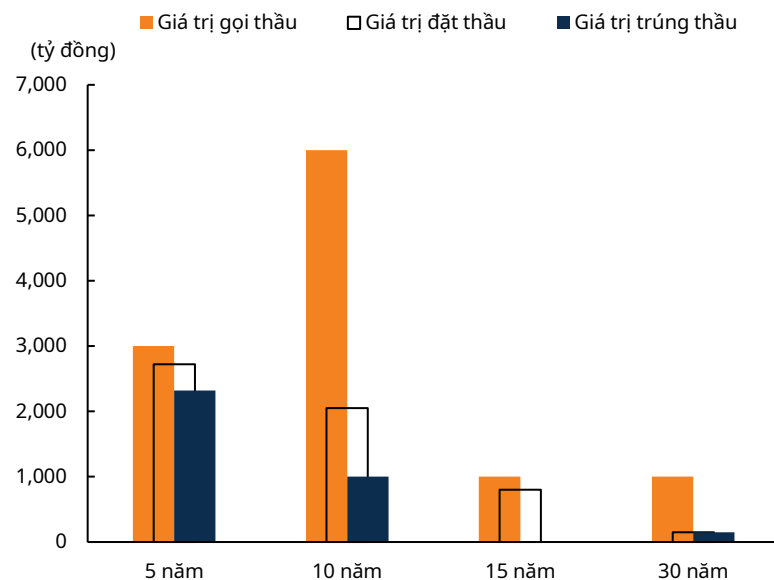
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ FiinPro, NHNN, cập nhật tới 01/11/2024

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam (Tiếp theo)

Trái phiếu chính phủ

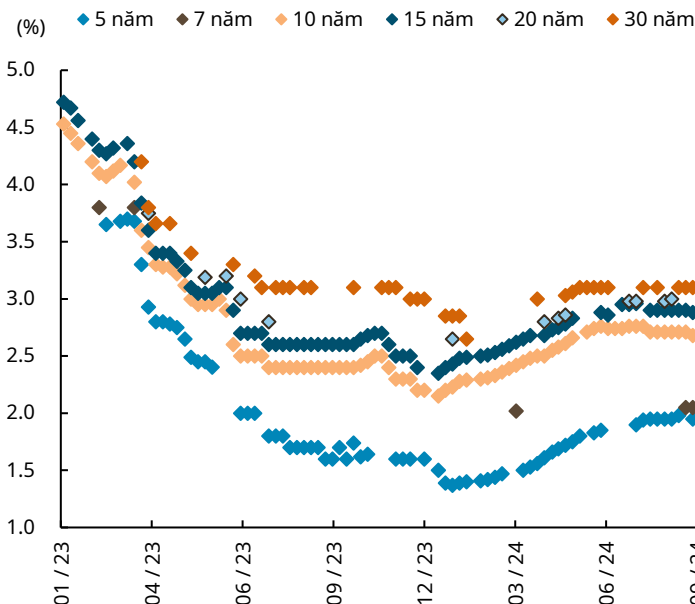
- **Phát hành trái phiếu chính phủ:**
 - Trong ngày 30/10, Kho bạc Nhà nước đã huy động thành công 3.470 tỷ đồng thông qua kênh phát hành trái phiếu chính phủ (tương ứng với 31,55% tổng giá trị gọi thầu) với tỷ lệ đặt thầu/gọi thầu (bid-to-cover) giảm mạnh về 0,52x.
 - Kết quả đấu thầu như sau: 5 năm (2.320 tỷ đồng), 10 năm (1.000 tỷ đồng), 30 năm (150 tỷ đồng).
 - Lợi suất trúng thầu không thay đổi so với phiên trước đó. Cụ thể cho từng kỳ hạn là: 5 năm (1,89%), 10 năm (2,66%), 30 năm (3,1%).
 - Tính đến ngày 30/10, Kho bạc Nhà nước đã thành công huy động gần 301,2 nghìn tỷ đồng thông qua kênh TPCP, đạt gần 75,3% kế hoạch của năm 2024.
- **Trên thị trường thứ cấp, lợi suất trái phiếu không có sự thay đổi đáng kể so với tuần trước.** Cụ thể, kết quả giao dịch lợi suất của các kỳ hạn như sau: 1 năm (1,846%); 2 năm (1,858%); 5 năm (1,91%, +0,2 bps); 7 năm (2,194%, -0,3 bps); 10 năm (2,699%, +0,2 bps); 15 năm (2,897%, +0,3 bps); 20 năm (2,992%); 30 năm (3,163%).

Giá trị trúng thầu từ buổi đấu thầu gần nhất



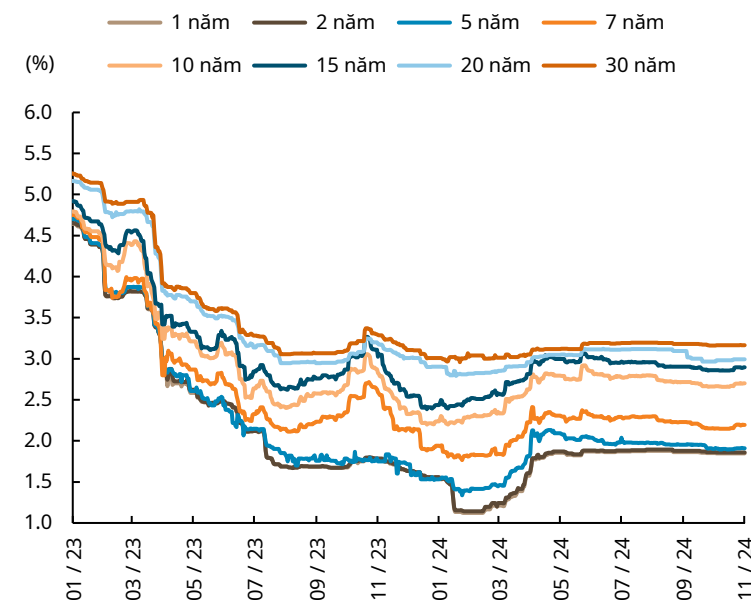
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 30/10/2024

Lợi suất trúng thầu trên thị trường sơ cấp



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 30/10/2024

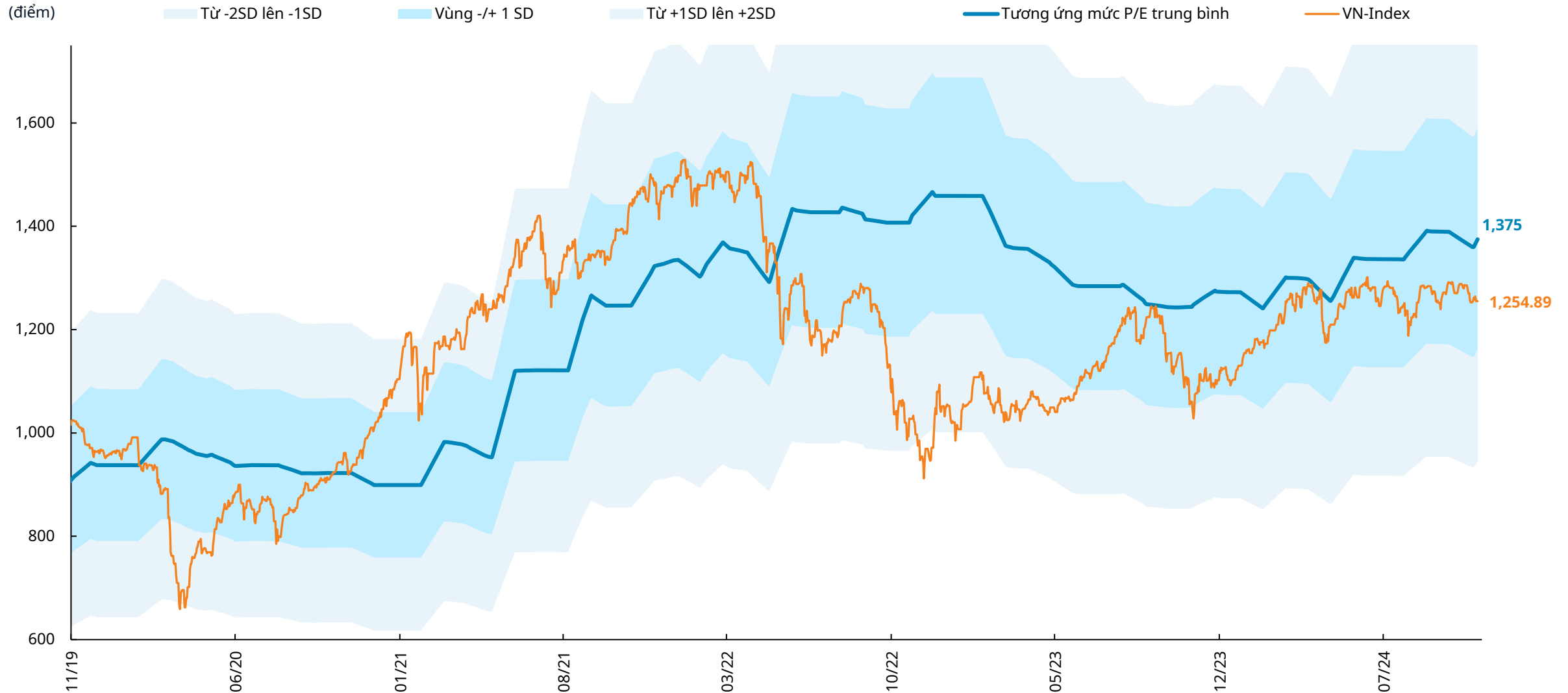
Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 01/11/2024

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam

Định giá VN-Index so với giá trị P/E bình quân trong 10 năm gần nhất

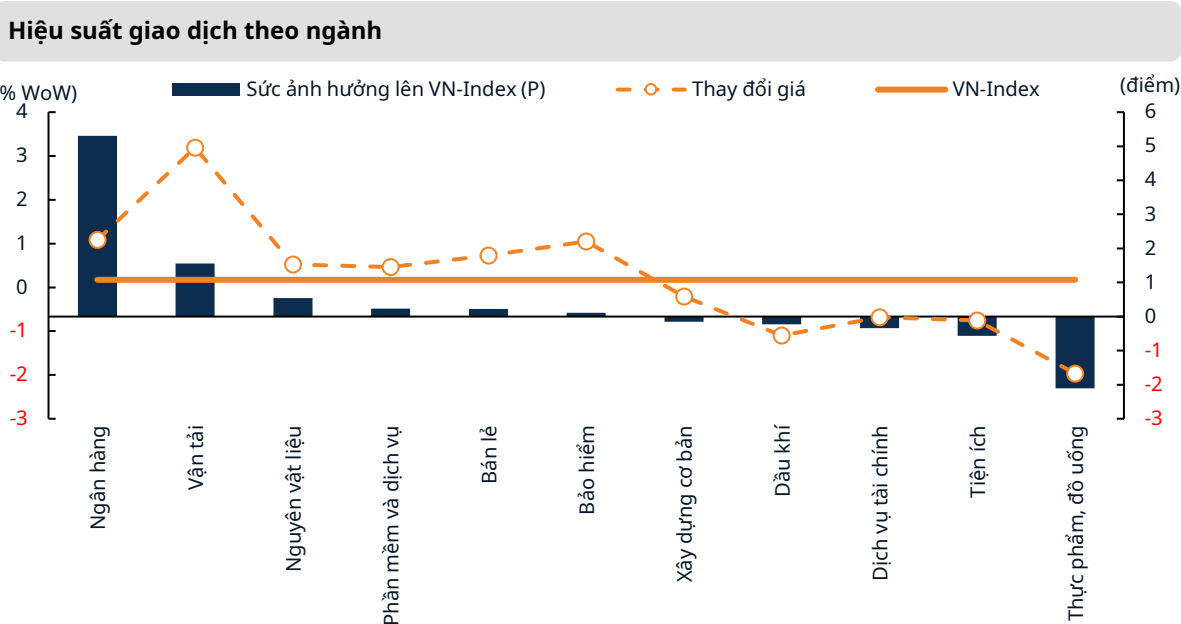


Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 01/11/2024

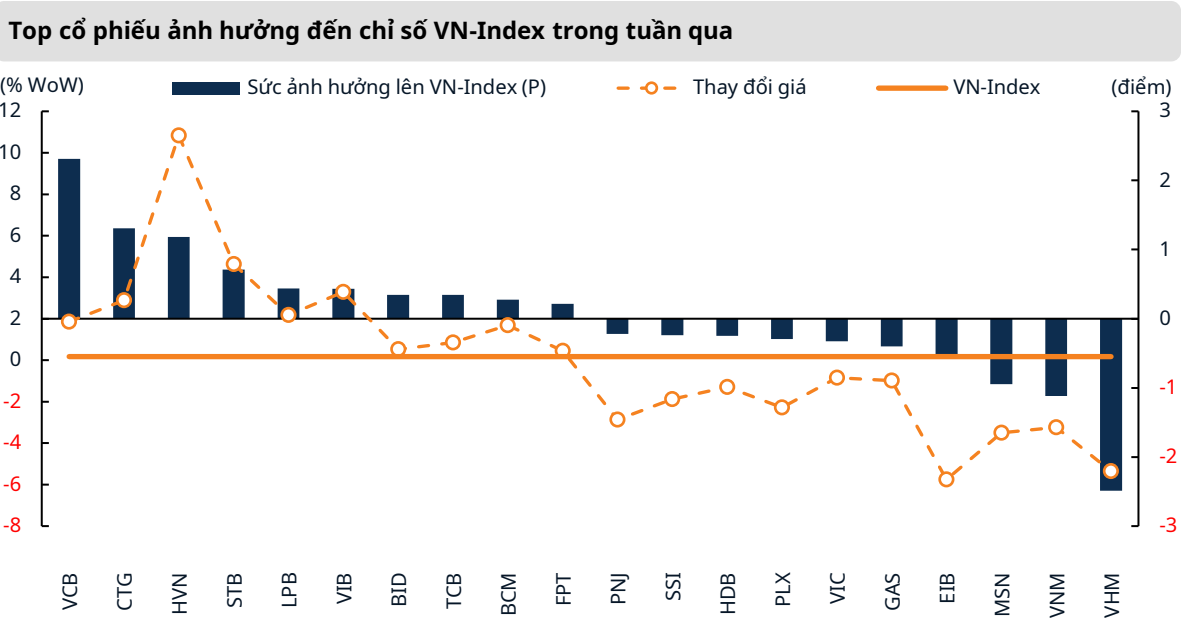
③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Phục hồi trong nghi ngờ

- **VN-Index ghi nhận tuần phục hồi sau nhịp điều chỉnh mạnh** dù mức tăng điểm có phần khiêm tốn chỉ hơn 2 điểm và đóng cửa tại **1.254,89 (+0,17% WoW)**.
- Phần lớn áp lực giảm điểm được hình thành trong ngày giao dịch 01/11 khi diễn biến phân hóa giữa các nhóm ngành kết hợp với áp lực chốt lời tại một số cổ phiếu bluechips như VCB, CTG, BID cũng như tâm lý giao dịch trở nên thận trọng sau nhịp điều chỉnh của thị trường Hoa Kỳ vào tối ngày hôm trước.
- **Cập nhật kết quả kinh doanh quý III/2024:**
 - Đối với riêng VN-Index, đã có khoảng 378 doanh nghiệp niêm yết sàn HOSE công bố KQKD quý III với tổng lợi nhuận sau thuế và lợi ích thiểu số đạt khoảng 105,7 nghìn tỷ đồng (+27,8% YoY và +8,4% QoQ), đại diện cho hơn 99% tổng vốn hóa toàn thị trường.
 - Điểm nhấn trong mùa KQKD quý 3 sẽ là đà tăng trưởng lợi nhuận bền vững của FPT cũng như động thái ghi nhận lợi nhuận đột biến của cổ phiếu VIC, qua đó cải thiện tổng lợi nhuận toàn thị trường trong bối cảnh các nhóm cổ phiếu trụ như Ngân hàng, Nguyên vật liệu (Thép) và Xây dựng cơ bản đều có phần hụt hơi khi so sánh với quý trước đó.
- **Triển vọng giao dịch trong tuần tiếp theo:**
 - Trong ngắn hạn, áp lực bán trong phiên ngày thứ 6 rất có khả năng sẽ tiếp diễn và khiến VN-Index tiếp tục thoái lui về các mốc hỗ trợ thấp hơn tại 1.230 trong bối cảnh bức tranh lợi nhuận quý 3 dù cải thiện tỷ lệ ROE chung của cả thị trường song vẫn chưa tạo nên sự thuyết phục tuyệt đối với tâm lý chung vẫn còn đang thận trọng trong thời gian qua.



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 01/11/2024



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 01/11/2024

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

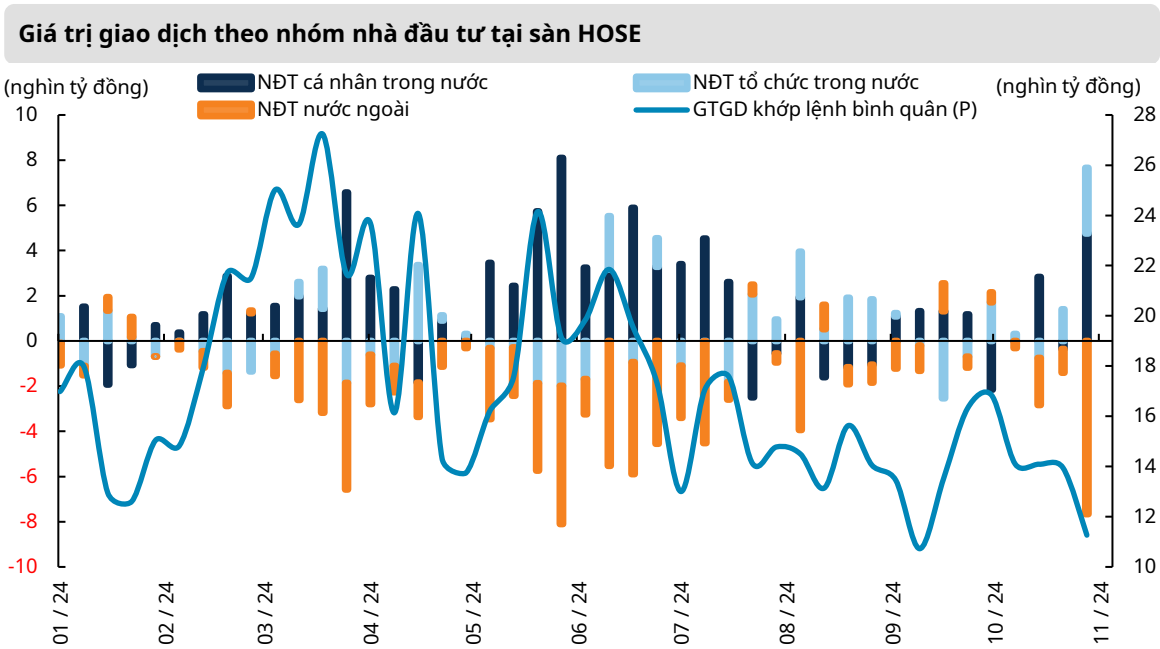
Ngân hàng, Bất động sản và Bán lẻ dẫn dắt đà tăng trưởng tổng lợi nhuận của VN-Index trong Q3/2024																					
Phân ngành GICS	Vốn hóa (tỷ đồng)	Tỷ trọng vốn hóa	Vốn hóa 12 tuần gần nhất	Biến động vốn hóa					Tăng trưởng LNST (YoY)					Tăng trưởng LNST (YoY)				Tăng trưởng LNST (QoQ)			
				1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	YTD	2020	2021	2022	2023	2024F	4Q23	1Q24	2Q24	3Q24	4Q23	1Q24	2Q24	3Q24
Ngân hàng	2.086.951	40,4%		1,06%	-1,41%	5,3%	6,0%	21,3%	16,2%	32,5%	35,8%	4,3%	16,9%	21,0%	10,0%	19,0%	16,7%	9,2%	9,7%	4,1%	-6,4%
Bất động sản	667.950	12,9%		-1,33%	-4,00%	4,4%	-1,6%	-5,2%	-0,9%	9,2%	-2,3%	-7,7%	19,0%	-40,6%	-34,3%	-73,2%	48,4%	-45,5%	46,6%	-62,1%	390,0%
Nguyên vật liệu	456.842	9%		0,44%	-4,70%	0,4%	3,8%	16,4%	51,6%	116,0%	-47,2%	-42,0%	23,3%	358,3%	91,8%	82,4%	23,2%	38%	-2%	14%	-20%
Thực phẩm, đồ uống	424.607	8,2%		-2,00%	-3,93%	-1,4%	4,8%	1,4%	-19,7%	34,3%	-12,4%	-25,6%	20,7%	12,5%	28,3%	5,9%	23,0%	-7,6%	-3,6%	32,7%	4,0%
Tiện ích	293.495	6%		-0,79%	-3,74%	-7,6%	0,8%	-0,4%	-19,9%	12,5%	47,5%	-29,1%	-43,5%	-35,6%	-55,8%	-23,2%	69,2%	55,7%	-39,2%	58,3%	12,9%
Vận tải	219.874	4,3%		3,00%	1,97%	3,8%	6,6%	24,1%	-165,5%	-7,7%	24,1%	126,5%	200,8%	87,6%	411,6%	124,2%	540,9%	18,7%	1334,2%	-52,8%	-6,8%
Xây dựng cơ bản	218.777	4,2%		-0,28%	-4,41%	1,7%	2,6%	3,8%	6,5%	19,3%	-22,2%	-12,4%	55,4%	68,9%	21,9%	34,6%	9,3%	-42,8%	91,2%	23,7%	-19,2%
Phần mềm và dịch vụ	210.126	4,1%		0,46%	-0,34%	8,1%	25,7%	58,7%	13,3%	23,6%	22,1%	21,7%	11,6%	27,9%	20,0%	22,9%	17,5%	3,1%	-2,3%	6,2%	10,0%
Dịch vụ tài chính	197.694	3,8%		-0,71%	-7,21%	7,1%	4,8%	12,0%	38,3%	151,3%	-54,9%	61,8%	17,2%	1876,8%	91,6%	7,6%	2,1%	-9,6%	28,5%	-11,5%	-0,7%
Bán lẻ	126.962	2,5%		0,72%	-2,67%	4,9%	16,3%	50,4%	0,2%	41,0%	-8,2%	-93,2%	665,6%	-82,9%	710,1%	1534,4%	528,1%	-2,0%	506,7%	24,8%	-15,4%
Dầu khí	81.142	1,6%		-1,15%	-7,22%	-8,4%	7,1%	10,0%	-57,8%	81,9%	-41,6%	91,3%	-19,5%	-41,6%	29,0%	-2,0%	-53,6%	-28%	69%	-5%	-60%
May mặc và trang sức	54.667	1,1%		-0,96%	-5,29%	-4,6%	-1,4%	9,5%	37,3%	8,4%	27,7%	-31,1%	42,6%	21,9%	9,2%	33,3%	32,6%	111,5%	12,1%	-35,3%	-13,5%
Bảo hiểm	44.294	0,9%		1,02%	-0,30%	-1,2%	7,4%	8,7%	28,5%	27,4%	-19,6%	22,1%	-20,3%	24,0%	13,1%	7,0%	-1,0%	7,6%	16,0%	-10,6%	-11,2%
Dược phẩm	35.291	0,7%		0,22%	-2,45%	0,7%	4,5%	11,1%	8,4%	8,0%	24,2%	1,9%	-1,4%	-3,3%	-23,4%	-20,7%	-10,0%	27,0%	-10,1%	-6,1%	-16,0%
VN-Index	5.160.032	100%		0,17%	-2,4%	-1,1%	-2,0%	13,6%	-1,2%	38,3%	5,0%	-4,8%	16,8%	18,4%	10,5%	6,7%	27,8%	-0,2%	21,8%	-3,0%	8,4%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật tới 01/11/2024

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Người mua thụ thả
Người bán chần chừ

- Giá trị giao dịch khớp lệnh bình quân mỗi phiên tiếp tục sụt giảm 19% WoW và đạt khoảng 11,2 nghìn tỷ đồng. Tuy vậy, thanh khoản thấp trong bối cảnh lực cầu còn thiếu sự đồng thuận cho thấy không chỉ người mua thận trọng mà người bán vẫn có phần chần chừ khi VN-Index giao dịch tại vùng hỗ trợ quanh 1.250 điểm.
- Điểm nhấn của tuần là động thái bán thỏa thuận với trị giá 5,4 nghìn tỷ đồng của khối ngoại tại cổ phiếu VIB. Tại đây, chúng tôi cho rằng ngân hàng Commonwealth Bank of Australia (CBA) là nhóm nhà đầu tư nước ngoài duy nhất có đủ số lượng cổ phần để thực hiện thương vụ này trong bối cảnh VIB đã chính thức giảm tỷ lệ sở hữu tối đa của khối ngoại về 4,99% kể từ ngày 1/7; trước đó CBA đã từng bán thỏa thuận khoảng 148 triệu cổ phiếu VIB (tương đương 2.600 tỷ đồng) vào ngày 24/09. Nhìn chung, khối ngoại đã bán ròng 7,66 nghìn tỷ đồng (đã bao gồm thương vụ bán thỏa thuận tại VIB) và nâng lượng bán ròng kể từ đầu năm lên 76,27 nghìn tỷ đồng.
- Nhóm nhà đầu tư (NDT) tổ chức trong nước mua ròng 2,9 nghìn tỷ đồng. Trong đó, Tự doanh tiếp tục giải ngân thêm gần 1,2 nghìn tỷ đồng trong tuần qua; lực mua phần lớn tập trung tại VIB (646 tỷ), VHM (126 tỷ), NLG (117 tỷ).
- Nhóm NDT cá nhân trong nước mua ròng 4,9 nghìn tỷ đồng (YTD: +71,52 nghìn tỷ đồng).
- Ở một khía cạnh khác, các quỹ ETF rút ròng khoảng 64 tỷ đồng trong tuần qua, với mức rút ròng kể từ đầu năm tăng lên 19 nghìn tỷ đồng tính đến ngày 01/11. Phần lớn lượng rút ròng được ghi nhận tại VanEck Vietnam (-92 tỷ); có phần áp đảo so với lượng giải ngân đến từ một số các ETF khác như DCVFMVN30 (+44 tỷ đồng).



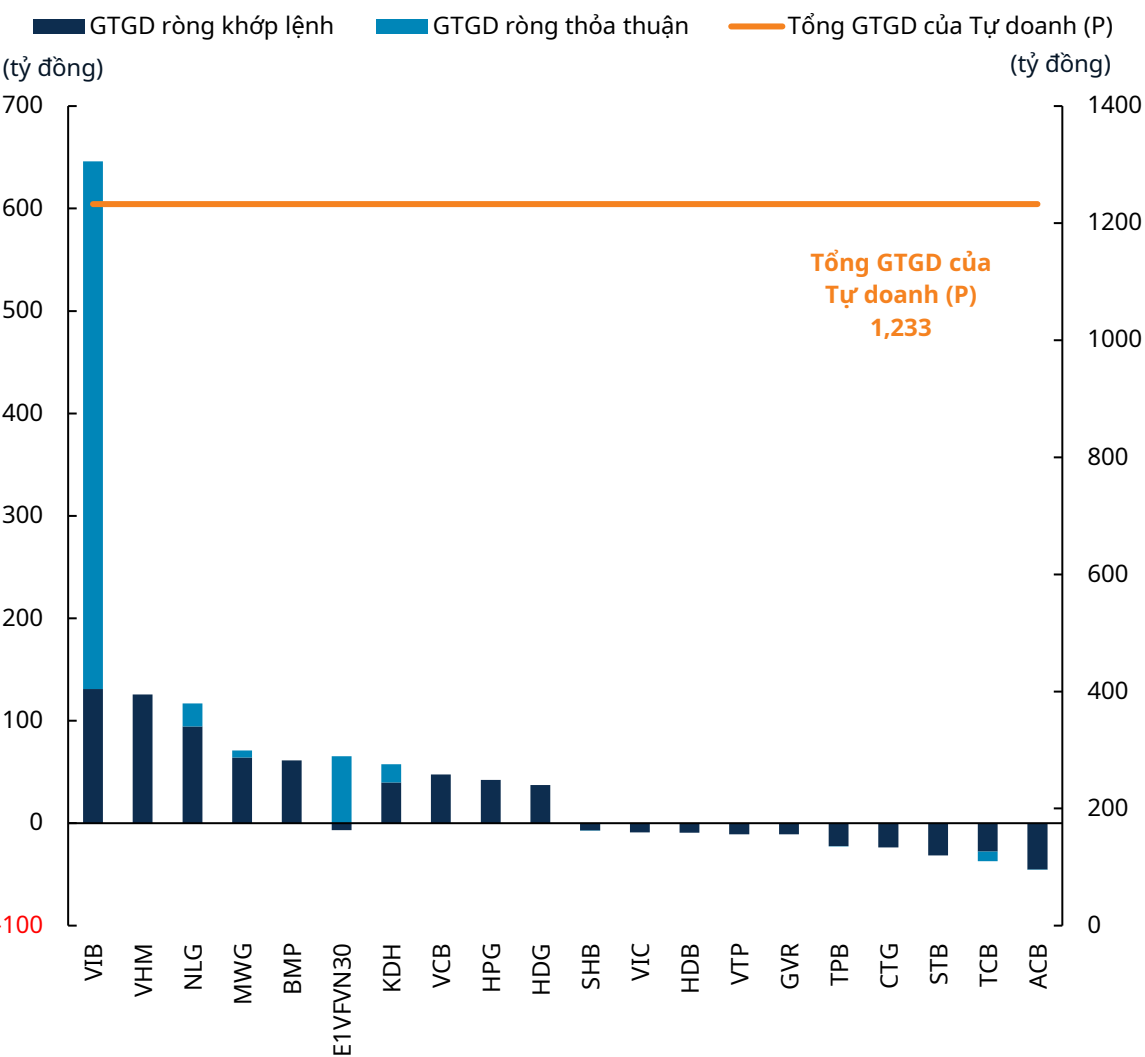
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, dữ liệu từ Bloomberg và FinPro, cập nhật tới 01/11/2024

Phân ngành công nghiệp GICS	Xu hướng dòng tiền trong 12 tuần				GTGD (WoW)
	11/10/2024	18/10/2024	25/10/2024	1/11/2024	
VN-Index				15%	-19%
Vận tải				77%	22%
Bán lẻ				77%	50%
Bất động sản				46%	-22%
May mặc và trang sức				38%	40%
Ngân hàng				31%	-33%
Thực phẩm, đồ uống				23%	-4%
Xây dựng cơ bản				23%	-12%
Bảo hiểm				15%	17%
Phần mềm và dịch vụ				8%	-35%
Dịch vụ tài chính				8%	-35%
Dầu khí				8%	-10%
Nguyên vật liệu				8%	-13%
Tiện ích				8%	-14%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam. Quy tắc đánh giá của chúng tôi: Mức độ tương đối của giá trị giao dịch từng ngành trong 12 tuần. Tích cực (xanh) biểu thị 33,33% cao nhất; Tiêu cực (đỏ) là thấp nhất; và Trung lập (vàng) là ở giữa.

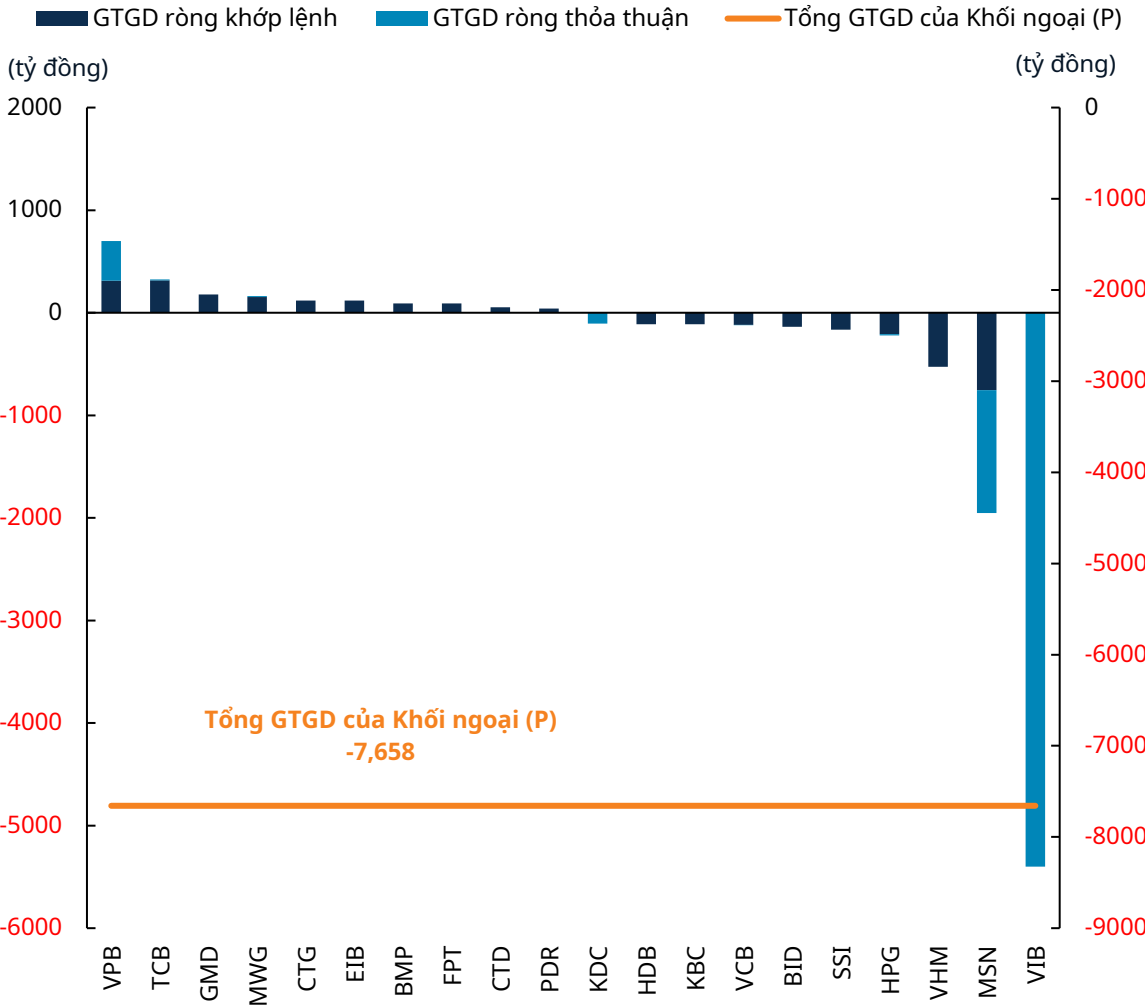
③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Top giá trị giao dịch ròng của Tự doanh của tuần qua



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Fiinpro, cập nhật ngày 01/11/2024

Top giá trị giao dịch ròng của Khối ngoại của tuần qua



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Fiinpro, cập nhật ngày 01/11/2024

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
VN-Index		5.167.615	1.254,89	1.305,02	1.071,11	-0,76	0,17	-2,89	20,7	14,7	1,7	12,5	17,01	23,91
VN30 Index		3.626.153	1.325,62	1.372,66	1.068,59	-0,97	0,01	-2,45	26,1	11,6	1,6	14,7	20,42	15,06
VN70 Index		996.552	1.869,70	2.031,02	1.539,13	-1,00	-0,02	-3,91	26,2	17,7	1,5	8,8	14,26	34,72
VNFinLead Index		2.215.803	2.105,84	2.188,53	1.739,32	-1,18	0,44	-2,10	24,8	8,6	1,3	15,3	19,46	11,10
Ngân hàng	VCB	522.580	93.500	98.200	80.300	-0,11	1,85	1,63	6,49	15,4	2,8	20,0	23,3	6,7
	BID	272.196	47.750	56.700	36.827	0,00	0,53	-3,92	34,52	11,9	2,1	19,1	17,0	13,0
	CTG	191.172	35.600	37.550	25.058	-0,28	2,89	-2,47	45,18	9,2	1,4	16,0	26,6	3,5
	TCB	166.967	23.700	25.000	14.675	-0,84	0,85	-3,85	68,09	7,3	1,2	16,8	22,2	0,3
	VPB	159.869	20.150	20.950	17.800	-1,47	0,25	1,26	1,77	13,3	1,2	9,8	25,4	4,6
	MBB	130.536	24.600	26.200	17.400	-1,80	-0,20	-4,09	43,02	6,1	1,3	23,4	23,2	0,0
	ACB	111.220	24.900	26.500	18.913	-1,97	0,00	-3,30	32,57	6,8	1,4	22,3	30,0	0,0
	LPB	83.890	32.800	33.500	15.050	-0,46	2,18	3,47	117,22	8,5	2,0	28,8	0,5	4,5
	HDB	77.328	26.550	28.600	17.550	-1,30	-1,30	-5,18	53,91	6,5	1,5	27,0	17,9	2,1
	STB	65.983	35.000	36.450	26.150	-0,57	4,63	4,48	26,58	7,7	1,3	18,0	23,5	6,5
	VIB	56.157	18.850	21.368	15.855	-0,53	3,29	-4,80	22,53	7,1	1,4	21,4	5,3	-0,3
	SSB	48.053	16.950	22.888	15.200	2,42	1,80	-2,87	-25,66	10,2	1,4	15,2	0,1	4,9
	TPB	45.045	17.050	18.100	13.375	-1,45	0,00	-0,29	29,49	9,5	1,3	14,2	30,0	0,0
	SHB	38.638	10.550	12.450	10.300	-0,47	1,44	-4,52	1,93	4,7	0,7	15,4	2,9	27,1
	EIB	36.602	19.650	21.600	15.187	-1,50	-5,76	3,97	22,60	17,5	1,7	9,9	3,2	26,8
	MSB	31.330	12.050	13.200	9.615	-2,43	-1,63	-7,31	24,33	6,7	0,9	14,9	28,6	1,4
	OCB	27.494	11.150	13.333	10.917	-2,62	-2,19	-7,85	4,53	9,6	0,9	10,2	19,9	2,1
Dịch vụ tài chính	SSI	51.406	26.200	31.461	22.771	-1,50	-1,87	-5,76	19,93	17,5	2,0	12,2	42,5	57,5
	VND	21.845	14.350	21.653	14.250	-1,37	0,35	-7,12	-5,84	8,7	1,1	13,0	12,2	87,8
	HCM	20.447	28.400	31.300	18.582	-1,39	0,35	-8,39	57,24	19,8	2,0	10,9	45,2	3,8
	VCI	19.475	33.900	42.308	28.654	-2,16	-1,74	-7,12	26,64	24,1	2,3	10,2	18,4	81,6
	VIX	15.679	10.750	14.131	8.932	-1,83	-3,15	-12,96	26,00	16,9	1,0	6,0	4,7	95,3
	FTS	12.619	41.250	48.000	25.000	-1,32	0,98	-10,33	69,85	27,4	3,2	11,9	30,4	69,6
	SHS	11.384	14.000	20.900	14.000	-1,41	-1,41	-13,58	-0,71	12,0	1,0	9,1	4,5	44,5
	EVF	8.366	11.000	18.056	10.370	1,38	1,85	-1,41	8,00	17,5	0,9	7,0	0,8	14,2
Bảo hiểm	BVH	32.365	43.600	47.400	38.200	1,40	0,58	0,46	11,79	17,2	1,4	8,6	26,6	22,4

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 01/11/2024. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Nguyên vật liệu	HPG	169.820	26.550	29.950	22.500	-1,30	0,38	-0,75	21,94	15,1	1,6	10,8	22,0	27,0
	GVR	129.200	32.300	38.200	18.200	-1,82	0,16	-10,28	86,71	45,9	2,5	5,6	0,4	12,6
	DGC	42.307	111.400	134.000	84.800	-0,80	2,11	-3,97	38,73	14,9	3,0	21,4	17,8	31,2
	DCM	19.508	36.850	40.050	28.900	-1,86	0,68	-3,66	31,61	14,0	2,0	14,3	7,3	41,7
	DPM	13.266	33.900	39.950	31.050	-1,88	-0,44	-4,64	17,50	20,4	1,1	5,4	7,9	41,1
	HSG	12.544	20.200	25.600	18.650	-0,25	-0,49	-5,16	14,12	11,0	1,1	10,6	10,9	38,2
	PHR	7.507	55.400	65.900	44.400	-2,81	0,18	-7,67	28,69	18,4	2,0	11,4	18,1	30,9
	NKG	5.516	20.950	27.150	18.750	1,45	2,44	-5,20	17,04	13,1	0,9	7,4	7,8	42,2
	AAA	3.211	8.400	12.350	8.370	-4,55	-5,72	-13,85	3,70	7,3	0,6	8,3	2,2	97,8
	DHC	2.825	35.100	46.100	34.000	-1,40	1,89	-6,65	-8,59	11,4	1,5	13,0	39,3	10,7
Bất động sản	VHM	180.706	41.500	46.000	34.600	0,00	-5,36	-4,49	7,93	8,1	1,0	13,1	13,6	36,4
	VIC	157.535	41.200	48.700	40.300	-0,84	-0,84	-2,60	1,98	42,0	1,2	3,0	10,2	37,8
	BCM	69.035	66.700	74.000	50.700	-0,60	1,68	-5,12	15,00	27,2	3,6	14,8	2,0	32,0
	VRE	40.334	17.750	27.200	17.350	-0,56	-2,20	-8,51	-21,81	9,2	1,0	11,9	21,2	27,8
	KDH	33.519	33.150	35.909	26.545	-1,04	0,00	-7,21	27,50	51,3	2,1	4,4	36,9	13,1
	KBC	20.226	26.350	35.900	24.600	0,19	1,74	-6,56	-1,31	75,0	1,1	1,5	19,2	29,8
	NVL	20.184	10.350	18.700	10.100	-1,43	1,47	-7,59	-20,99	N/A	0,6	-16,7	4,6	44,4
	PDR	18.249	20.900	29.724	16.950	-0,71	-3,46	-6,90	10,16	39,5	1,7	4,5	7,3	42,7
	VPI	16.959	58.400	58.800	44.583	0,69	1,92	-0,17	30,50	90,9	4,3	4,9	1,6	47,5
	NLG	15.660	40.700	45.850	31.900	2,13	5,03	-2,16	34,32	51,8	1,6	3,2	48,6	1,4
	SIP	15.516	73.700	86.000	45.826	-0,54	5,14	2,36	65,54	14,5	3,7	28,2	2,4	46,6
	DXG	12.072	16.750	20.300	12.550	0,90	0,90	0,30	4,98	65,0	1,1	1,7	18,3	31,7
	KOS	8.389	38.750	40.300	36.250	0,26	0,78	2,79	0,52	350,8	3,6	1,0	0,2	48,8
	CEO	8.106	15.000	23.810	13.500	-0,66	-2,60	-6,83	-22,03	51,5	1,4	3,5	5,2	43,8
	SJS	7.312	64.200	77.000	56.500	0,16	-1,98	-6,00	13,23	33,3	2,6	8,2	0,7	49,3
	SZC	6.884	38.250	45.000	27.749	-1,80	-0,26	1,59	42,04	23,8	2,3	11,6	3,0	17,0
	HHV	5.036	11.650	15.429	10.400	-0,43	0,43	-6,80	-3,25	12,8	0,6	4,5	7,9	41,1
	HDC	4.610	25.850	29.217	23.130	-0,77	-4,96	-2,27	4,37	35,4	2,2	6,4	2,9	46,1
	ASM	3.272	8.840	12.136	7.818	0,68	0,57	-5,66	18,88	16,9	0,6	3,6	12,5	36,5
	AGG	2.527	15.550	22.480	15.050	-0,96	2,98	-7,44	-21,94	7,4	0,8	11,6	1,0	49,0

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 01/11/2024. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Xây dựng cơ bản	REE	29.203	62.000	72.000	46.087	-3,28	-1,59	-7,05	36,85	16,6	1,7	10,5	49,0	0,0
	IDC	18.480	56.000	64.300	43.100	0,00	5,86	-2,78	30,23	9,5	3,7	38,0	23,5	25,5
	VGC	18.113	40.400	60.900	39.650	-0,98	-0,25	-8,49	-7,76	30,9	2,2	7,1	3,7	45,3
	GEX	17.360	20.200	25.300	18.850	-0,98	-1,22	-7,13	11,91	16,4	1,3	8,3	7,1	42,9
	HUT	14.548	16.300	21.300	16.000	0,62	0,00	-1,21	-6,86	211,5	1,7	1,0	1,6	48,4
	CTR	14.207	124.200	162.000	75.000	-2,05	-1,90	-1,66	68,75	27,6	7,7	29,6	9,6	39,4
	DIG	12.685	20.800	33.950	20.400	1,22	-1,19	-9,17	0,97	336,8	1,7	0,5	5,0	44,1
	BMP	10.945	133.700	136.100	85.500	-0,59	0,68	14,27	66,09	10,7	3,7	34,4	85,2	14,8
	TCH	10.558	15.800	21.650	11.200	-2,17	1,28	-13,19	49,76	13,4	1,2	8,8	5,8	45,2
	VCG	10.475	17.500	23.482	17.250	-1,41	-1,13	-9,33	-0,76	13,1	1,4	11,3	6,6	42,4
	HDG	9.182	27.300	32.000	22.591	2,44	2,63	-3,19	17,53	14,6	1,5	10,5	14,8	35,2
	PC1	8.350	26.850	31.950	22.478	0,19	0,56	-6,45	25,52	24,4	1,6	6,6	13,0	37,0
	CTD	6.785	67.900	78.100	54.600	1,04	0,44	6,59	34,99	22,0	0,8	3,7	49,0	0,0
	BCG	5.897	6.700	8.955	6.140	5,18	8,24	1,52	-0,94	60,7	0,6	0,9	1,4	48,6
Thực phẩm và Đồ uống	VNM	137.519	65.800	75.600	63.300	-0,45	-3,24	-6,13	-6,53	16,4	4,1	25,6	51,8	48,2
	MSN	107.157	74.500	81.400	60.600	-2,74	-3,50	-2,74	25,21	85,5	3,8	4,8	28,3	20,7
	SAB	70.926	55.300	69.400	52.000	0,18	-0,36	-4,33	-3,66	16,9	3,0	17,6	60,7	39,3
	VHC	15.869	70.700	80.000	55.750	-0,84	-0,14	-0,42	30,32	17,4	1,8	10,4	28,8	71,2
	KDC	14.693	50.700	62.624	50.100	0,00	-0,98	-1,74	-13,43	N/A	2,2	-6,1	20,5	29,5
	HAG	10.838	10.250	15.050	8.150	-0,97	0,99	-8,07	25,61	5,6	1,3	25,8	2,2	46,8
	DBC	9.304	27.800	32.304	16.518	-0,71	0,36	-5,76	73,73	13,3	1,4	9,6	9,6	39,5
	SBT	8.960	12.100	14.550	10.700	-2,42	-3,59	-6,56	-10,37	15,5	0,9	6,4	21,8	78,2
	PAN	5.118	24.500	25.700	18.000	0,20	3,81	3,59	38,42	8,7	1,0	11,9	19,1	29,9
Tiện ích	GAS	164.456	70.200	83.725	70.000	-0,43	-0,99	-3,84	-6,89	14,7	2,4	16,1	1,8	47,2
	POW	27.166	11.600	15.300	10.450	-2,93	-2,52	-12,12	8,41	26,6	0,9	3,3	3,7	45,3
	BWE	9.985	45.400	47.500	35.088	0,89	1,57	-0,33	18,84	18,5	2,0	11,2	12,0	37,0
	NT2	5.441	18.900	26.500	18.850	-0,53	-0,79	-4,79	-17,29	24,9	1,3	5,3	13,2	35,8

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 01/11/2024. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Dầu khí	PLX	51.586	40.600	51.700	33.000	-1,22	-2,29	-8,76	25,70	14,5	2,1	14,7	17,7	2,3
	PVS	18.211	38.100	47.300	34.300	0,79	0,79	-5,69	12,72	16,7	1,4	8,4	21,4	27,6
	PVD	14.314	25.750	34.300	25.150	0,39	0,39	-6,02	4,25	26,3	0,9	4,4	12,5	36,5
	PVT	9.808	27.550	32.000	21.227	-1,96	0,92	-1,96	31,76	10,1	1,4	14,8	12,8	36,2
May mặc và trang sức	PNJ	30.885	91.400	109.600	73.800	-3,59	-2,87	-7,11	26,94	15,6	3,0	20,2	49,0	0,0
	PTB	4.164	62.200	76.500	53.900	-1,27	5,42	3,15	15,19	12,1	1,4	11,9	24,4	0,6
Bán lẻ	MWG	96.486	66.000	70.200	37.000	-0,75	0,76	-2,65	88,03	43,5	3,7	8,9	47,5	1,5
	FRT	23.148	169.900	188.000	90.200	-2,24	0,83	-4,07	93,07	N/A	13,8	-3,3	37,3	11,7
	DGW	9.251	42.600	53.769	35.269	-1,05	0,12	-10,13	26,44	24,6	3,3	14,1	23,5	25,5
Phần mềm và dịch vụ	FPT	198.006	134.600	142.800	75.652	-0,96	0,45	-0,96	81,25	26,1	6,6	28,1	46,3	2,7
	CMG	9.634	50.600	74.600	34.865	-2,50	-0,20	-2,50	46,80	28,7	3,5	12,8	43,3	6,7
Vận tải	VJC	56.707	104.700	119.400	99.000	-0,29	0,48	-0,57	0,29	60,9	3,4	5,9	13,4	16,6
	GMD	26.578	64.200	73.671	54.082	-1,68	2,39	-2,61	21,97	18,8	2,4	13,3	49,0	0,0
	SCS	7.392	77.900	95.000	63.000	3,59	3,87	-1,02	23,85	10,9	4,8	46,3	22,0	8,0
	CII	4.814	15.100	19.800	14.350	-0,98	-1,95	-3,21	3,78	13,0	0,8	6,0	5,8	34,2

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 01/11/2024. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nằm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Phụ lục

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.

Mirae Asset Securities International Network

Mirae Asset Securities Co., Ltd. (Seoul) One-Asia Equity Sales Team Mirae Asset Center 1 Building 26 Eulji-ro 5-gil, Jung-gu, Seoul 04539 Korea Tel: 82-2-3774-2124	Mirae Asset Securities (HK) Ltd. Units 8501, 8507-8508, 85/F International Commerce Centre 1 Austin Road West Kowloon Hong Kong Tel: 852-2845-6332	Mirae Asset Securities (UK) Ltd. 41st Floor, Tower 42 25 Old Broad Street, London EC2N 1HQ United Kingdom Tel: 44-20-7982-8000
Mirae Asset Securities (USA) Inc. 810 Seventh Avenue, 37th Floor New York, NY 10019 USA Tel: 1-212-407-1000	Mirae Asset Wealth Management (USA) Inc. 555 S. Flower Street, Suite 4410, Los Angeles, California 90071 USA Tel: 1-213-262-3807	Mirae Asset Wealth Management (Brazil) CCTVM Rua Funchal, 418, 18th Floor, E-Tower Building Vila Olimpia Sao Paulo - SP 04551-060 Brazil Tel: 55-11-2789-2100
PT. Mirae Asset Sekuritas Indonesia District 8, Treasury Tower Building Lt. 50 Sudirman Central Business District Jl. Jend. Sudirman, Kav. 52-54 Jakarta Selatan 12190 Indonesia Tel: 62-21-5088-7000	Mirae Asset Securities (Singapore) Pte. Ltd. 6 Battery Road, #11-01 Singapore 049909 Republic of Singapore Tel: 65-6671-9845	Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC 7F, Le Meridien Building 3C Ton Duc Thang St. District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City Vietnam Tel: 84-8-3911-0633 (ext.110)
Mirae Asset Securities Mongolia UTsK LLC #406, Blue Sky Tower, Peace Avenue 17 1 Khoroo, Sukhbaatar District Ulaanbaatar 14240 Mongolia Tel: 976-7011-0806	Mirae Asset Investment Advisory (Beijing) Co., Ltd 2401B, 24th Floor, East Tower, Twin Towers B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District Beijing 100022 China Tel: 86-10-6567-9699	Beijing Representative Office 2401A, 24th Floor, East Tower, Twin Towers B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District Beijing 100022 China Tel: 86-10-6567-9699 (ext. 3300)
Shanghai Representative Office 38T31, 38F, Shanghai World Financial Center 100 Century Avenue, Pudong New Area Shanghai 200120 China Tel: 86-21-5013-6392	Ho Chi Minh Representative Office 7F, Saigon Royal Building 91 Pasteur St. District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City Vietnam Tel: 84-8-3910-7715	Mirae Asset Capital Markets (India) Private Limited Unit No. 506, 5th Floor, Windsor Bldg., Off CST Road, Kalina, Santacruz (East), Mumbai – 400098 India Tel: 91-22-62661336